

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ 3 NĂM 2023

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 10 NĂM 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
<b>A – TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	100		487,701,979,530	383,507,653,388
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110		344,509,625,028	230,800,925,475
1. Tiền	111	V.01	76,545,302,400	39,890,460,041
2. Các khoản tương đương tiền			267,964,322,628	190,910,465,434
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120	V.02	85,000,000,000	89,409,653,155
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		85,000,000,000	89,409,653,155
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		55,621,617,086	59,126,496,544
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	41,888,351,284	52,728,072,974
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	211,474,453	171,454,436
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	13,508,629,139	7,230,403,576
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1,026,837,790)	(1,003,434,442)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1,040,000,000	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		898,672,000	1,082,804,000
1. Hàng tồn kho	141		898,672,000	1,082,804,000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		1,672,065,416	3,087,774,214
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	1,672,065,416	1,835,379,118
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1,088,237,325
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	164,157,771
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.07		
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	200		300,707,090,007	320,490,771,439
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		1,930,573,644	162,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216		1,930,573,644	162,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		205,983,081,568	231,522,794,608
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	129,014,056,140	153,356,358,114
- Nguyên giá	222		626,579,968,867	629,902,506,169
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(497,565,912,727)	(476,546,148,055)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	76,969,025,428	78,166,436,494
- Nguyên giá	228		101,601,504,441	101,601,504,441
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(24,632,479,013)	(23,435,067,947)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>815,534,628</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		815,534,628	
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>89,188,789,408</b>	<b>85,966,040,096</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		88,484,334,330	83,707,440,096
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	2,258,600,000	2,258,600,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1,554,144,922)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,789,110,759</b>	<b>2,839,936,735</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2,789,110,759	2,839,936,735
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	
5. Lợi thế thương mại	269		-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>788,409,069,537</b>	<b>703,998,424,827</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>190,046,105,440</b>	<b>53,623,687,047</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>190,046,105,440</b>	<b>53,623,687,047</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	24,979,355,447	32,927,919,001
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	22,990,889,903	6,449,477,731
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2,913,876,632	3,478,661,468
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2,628,538,771	525,749,731
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		712,777,099	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	133,599,029,751	7,617,294,162
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2,221,637,837	2,624,584,954
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

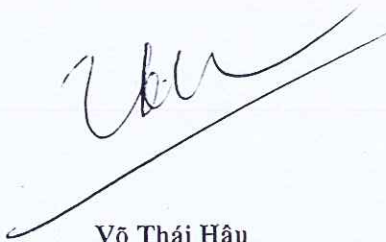
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>598,362,964,097</b>	<b>650,374,737,780</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.21	<b>598,362,964,097</b>	<b>650,374,737,780</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		340,000,000,000	340,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340,000,000,000	340,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60,123,448,000	60,123,448,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		103,623,271,921	103,623,271,921
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77,348,152,519	130,010,680,692
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4,577,270,987	43,918,073,033
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		72,770,881,532	86,092,605,659
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	423		17,268,091,657	16,617,337,167
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>788,409,069,537</b>	<b>703,998,424,827</b>

TP. HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2023

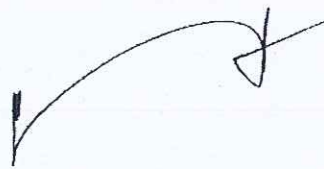
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thái Hậu



Nguyễn Viết Trường



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LÁI

Mẫu số B 02 - DN  
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/07/2023 đến 30/09/2023

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3			Lũy kế	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	
	B	C	I	2	3	4	4
A							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	76,543,213,300	67,566,441,435	226,675,579,789	185,831,942,572	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02						
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		76,543,213,300	67,566,441,435	226,675,579,789	185,831,942,572	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	45,124,803,724	35,652,555,500	126,075,987,747	90,048,008,183	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		31,418,409,576	31,913,885,935	100,599,592,042	95,783,934,389	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,666,418,147	1,699,025,716	8,203,637,984	5,054,498,736	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-	-	1,554,196,138	-	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1,724,697,065	1,448,489,858	4,776,894,234	4,035,388,493	
9. Chi phí bán hàng	25		500,509,007	2,981,489,628	904,876,864	3,139,442,328	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6,100,754,937	6,947,968,449	17,889,019,620	16,869,321,423	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		29,208,260,844	25,131,943,432	93,232,031,638	84,865,057,867	
12. Thu nhập khác	31		205,103,116	17,800,000	499,169,163	17,800,200	
13. Chi phí khác	32		78,576,528	305,140	278,042,349	164,964,218	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		126,526,588	17,494,860	221,126,814	(147,164,018)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29,334,787,432	25,149,438,292	93,453,158,452	84,717,893,849	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	5,426,892,626	4,726,168,786	17,586,969,546	17,174,508,881	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30					
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		23,907,894,806	20,423,269,506	75,866,188,906	67,543,384,968	
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		23,589,729,701	20,327,996,526	75,175,434,415	69,651,304,891	
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		318,165,105	95,272,980	690,754,491	(2,107,919,923)	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		694	598	2,211	2,049	
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		694	598	2,211	2,049	

Tr. HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2023

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

Nguyễn Việt Trường

Lê Chí Đăng

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG CÁT LÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 80/CV-CLL  
V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận  
sau thuế hợp nhất quý 3/2023 so với  
cùng kỳ năm trước

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Trước tiên Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái chân thành cảm ơn sự quan tâm hỗ trợ của Quý cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ Điểm a) khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính quy định:

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Công ty cổ phần cảng Cát Lái tiến hành công bố thông tin với nội dung Báo cáo tài chính quý 3/2023 có kết quả như sau:

Đvt: Đồng

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3/2023	Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3/2022	So sánh quý 3/2023 với quý 3/2022	
		Tăng/giảm	%
23.907.894.806	20.423.269.506	3.484.625.300	17,06%

Nguyên nhân chủ yếu do trong quý 3/2022, Công ty phát sinh các chi phí liên quan sự kiện Kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Công ty là 2,98 tỷ đồng.

Trên đây là phần giải trình về kết quả lợi nhuận sau thuế của quý 3/2023 so với cùng kỳ năm trước, kính chuyển Quý cơ quan xem xét.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC-KHKD; H04



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý 3

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến ngày 30/09	
			Năm 2023	Năm 2022
A	B	C	1	2
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		93,453,158,452	84,717,893,849
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		26,916,675,738	28,509,833,781
- Các khoản dự phòng	3		1,577,548,270	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	2,189,296
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(13,149,055,578)	(9,848,303,515)
- Chi phí lãi vay	6		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		108,798,326,882	103,381,613,411
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		18,330,350,551	12,173,602,180
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		184,132,000	1,823,900,347
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(18,601,433,433)	(9,828,288,990)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,924,191,619)	(2,704,628,851)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10,601,743,185)	(10,687,476,946)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2,526,500,000)	(1,738,293,921)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>93,658,941,196</b>	<b>92,420,427,230</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,401,268,760)	(10,657,787,966)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4,920,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(85,000,000,000)	(25,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		97,070,515,920	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,784,171,887	3,635,548,140
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>20,373,419,047</b>	<b>(32,022,239,826)</b>

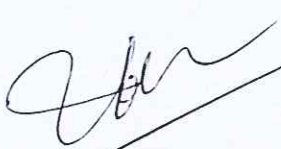
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến ngày 30/09	
			Năm 2023	Năm 2022
A	B	C	1	2
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(323,660,690)	(1,896,092,370)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(323,660,690)	(1,896,092,370)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		113,708,699,553	58,502,095,034
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		230,800,925,475	221,534,111,671
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	344,509,625,028	280,036,206,705

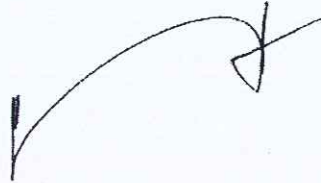
Tp. HCM, ngày 30 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu


Kế toán trưởng

Giám đốc

  
Võ Thái Hậu

  
Nguyễn Việt Trường



  
Lê Chí Đăng



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3/2023

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

##### 5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 938/180 Đường Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### 5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, có 89 nhân viên đang làm việc trong nhóm Công ty (số đầu năm là 93 nhân viên).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí bảo hiểm phương tiện. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí bảo hiểm phương tiện*

Chi phí bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian trên hợp đồng bảo hiểm.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

### 12. **Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 15. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

### 16. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	553.978.551	205.721.139
Tiền gửi ngân hàng	75.991.323.849	39.684.738.902
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	267.964.322.628	190.910.465.434
<b>Cộng</b>	<b>344.509.625.028</b>	<b>230.800.925.475</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào công ty khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>				



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>88.484.334.330</i>		<i>83.707.440.096</i>	
Giá gốc <sup>(i)</sup>	78.225.400.000		78.225.400.000	
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	10.258.934.330		5.482.040.096	
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>2.258.600.000 (1.554.144.922)</i>		<i>2.258.600.000</i>	
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	2.258.600.000 (1.554.144.922)		2.258.600.000	
<b>Cộng</b>	<b>90.742.934.330 (1.554.144.922)</b>		<b>85.966.040.096</b>	

(i) Tại ngày cuối kỳ báo cáo, Công ty mẹ sở hữu 2.523.400 cổ phần; tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>37.504.419.582</i>	<i>41.939.205.532</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	37.037.735.007	41.288.961.957
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	19.452.000	19.452.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	314.129.000	376.272.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần		-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	133.103.575	133.103.575
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		121.416.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.383.931.702</i>	<i>10.788.867.442</i>
<b>Cộng</b>	<b>41.888.351.284</b>	<b>52.728.072.974</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thiết kế Số Một		117.786.386
CN Công ty CP TM XNK Thủ Đức - Cửa hàng	118.695.453	
Xăng dầu Phú Hữu		
Công ty TNHH Giao nhận Quốc Tế Vạn Đạt	69.984.000	
Các nhà cung cấp khác	22.795.000	53.668.050
<b>Cộng</b>	<b>211.474.453</b>	<b>171.454.436</b>

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.002.623.835</i>	<i>-</i>	<i>1.493.415.086</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng	1.809.357.472	-	1.493.415.086	-
Công ty Tân Cảng Sài Gòn				
Công ty CP Tân Cảng Tây Ninh	50.540.000			
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	4.800.000			
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	137.926.363			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.506.005.304</i>	<i>(17.558.567)</i>	<i>5.736.988.490</i>	<i>(17.558.567)</i>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.583.950.533	-	2.377.916.444	-
Tạm ứng	2.163.026.102	-	1.411.659.069	-
Các khoản chi hộ	410.827.802	-	1.184.508.022	-
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - phải thu tiền đặt cọc đã hết hạn hợp đồng			428.450.000	-
Phải thu Cty Quang Thái Hồng tiền mặt bằng theo bản án	6.736.930.124			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	611.270.743	(17.558.567)	334.454.955	(17.558.567)
<b>Cộng</b>	<b>13.508.629.139</b>	<b>(17.558.567)</b>	<b>7.230.403.576</b>	<b>(17.558.567)</b>

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị	Trên 03 năm	570.889.660	(570.889.660)	Trên 03 năm	570.889.660	(570.889.660)
Công ty CBF Coffee	Trên 03 năm	130.982.400	(130.982.400)	Trên 03 năm	130.982.400	(130.982.400)
Công ty Cổ phần Công te nơ Tân Cảng	Trên 03 năm	133.103.575	(133.103.575)	Trên 03 năm	133.103.575	(133.103.575)
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	Trên 03 năm	14.090.292	(14.090.292)	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	14.090.292	(9.863.204)
Công ty Bảo hiểm Mic An Phú	Trên 03 năm	30.900.521	(30.900.521)		30.900.521	(15.450.261)
Công ty TNHH Vận tải Điện Ngọc Thảo	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 1 năm	12.420.000	(3.726.000)			
Các khách hàng khác	Trên 03 năm	143.145.342	(143.145.342)	Trên 03 năm	143.145.342	(143.145.342)
<b>Cộng</b>		<b>1.035.531.790</b>	<b>(1.026.837.790)</b>		<b>1.023.111.790</b>	<b>(1.003.434.442)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.003.434.442	926.377.980
Trích lập dự phòng bổ sung	23.403.348	58.788.143
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.026.837.790</b>	<b>985.166.123</b>

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu				
Vật tư, CCDC	898.672.000	-	1.082.804.000	-
<b>Cộng</b>	<b>898.672.000</b>	<b>-</b>	<b>1.082.804.000</b>	<b>-</b>

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	339.913.454	304.692.208
Phí sử dụng đường bộ	100.536.113	276.622.015
Chi phí nạo vét muong bãi		617.858.511
Chi phí sửa chữa	912.942.416	620.942.383
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	318.673.431	15.264.001
<b>Cộng</b>	<b>1.672.065.414</b>	<b>1.835.379.118</b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	2.789.110.759	2.583.359.603

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các chi phí trả trước dài hạn khác		256.577.132
Cộng	<u>2.789.110.759</u>	<u>2.839.936.735</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	195.087.317.394	359.210.801.826	72.573.773.734	1.715.072.937	1.315.540.278	629.902.506.169
Số đầu năm		76.262.698	1.215.900.000	84.800.000	-	1.376.962.698
Mua trong kỳ						
Đầu tư XDCB hoàn thành			867.000.000			867.000.000
Thanh lý, nhượng bán						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>195.087.317.394</b>	<b>359.287.064.524</b>	<b>72.922.673.734</b>	<b>1.799.872.937</b>	<b>1.315.540.278</b>	<b>630.412.468.867</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.255.215.546	157.853.699.593		55.400.545	-	206.164.315.684
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	111.150.063.720	317.176.788.463	47.756.249.476	294.193.160	168.853.236	476.546.148.055
Khấu hao trong kỳ	5.176.278.405	14.153.667.656	5.792.642.882	343.395.875	253.279.854	25.719.264.672
Thanh lý, nhượng bán						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>116.326.342.125</b>	<b>331.330.456.119</b>	<b>52.681.892.358</b>	<b>637.589.035</b>	<b>422.133.090</b>	<b>501.398.412.727</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	83.937.253.674	42.034.013.363	24.817.524.258	1.420.879.777	1.146.687.042	153.356.358.114
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>78.760.975.269</b>	<b>27.956.608.405</b>	<b>20.240.781.376</b>	<b>1.162.283.902</b>	<b>893.407.188</b>	<b>129.014.056.140</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	101.262.004.441	339.500.000	101.601.504.441
Mua trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<u>101.262.004.441</u>	<u>339.500.000</u>	<u>101.601.504.441</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	280.000.000	280.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	23.109.451.265	325.616.682	23.435.067.947
Khấu hao trong kỳ	1.188.486.063	8.925.003	1.197.411.066
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>24.297.937.328</u>	<u>334.541.685</u>	<u>24.632.479.013</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	78.152.553.176	13.883.318	78.166.436.494
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>76.964.067.113</u>	<u>4.958.315</u>	<u>76.969.025.428</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Số đầu năm	
Chi phí phát sinh trong kỳ	815.534.628
Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>815.534.628</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>16.332.923.583</i>	<i>20.408.139.831</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	6.545.964	19.302.184
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.264.514.178	4.997.498.414
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		49.920.000
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh		-
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	691.035.200	2.411.585.200
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương		-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu		104.274.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	53.632.000	91.230.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	13.317.196.241	12.734.330.033
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>8.646.431.864</i>	<i>12.519.779.170</i>
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân		2.580.086.804
Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck	1.797.189.084	1.620.882.800
Công ty TNHH Vận tải Cát Lái		1.556.117.000
Hộ kinh doanh Sơn Tuyền	3.508.452.220	2.849.650.000
Các nhà cung cấp khác	3.340.790.560	3.913.042.566
<b>Cộng</b>	<b>24.979.355.447</b>	<b>32.927.919.001</b>

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	806.037.939	-	19.999.718.107	9.419.577.238	11.386.178.808	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.318.728.012	-	17.586.969.546	10.601.743.185	11.303.954.373	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.324.711.780	-	611.260.733	1.901.590.660	34.381.853	-
Thuế nhà đất	-	-	15.499.175	15.499.175	-	-
Tiền thuê đất	-	164.157.771	861.065.280	430.532.640	266.374.869	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.449.477.731</b>	<b>164.157.771</b>	<b>39.080.512.841</b>	<b>22.374.942.898</b>	<b>22.990.889.903</b>	<b>-</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ cung cấp cho các hãng tàu nước ngoài	0%
Cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### *Thuế nhà đất*

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### *Các loại thuế khác*

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan - Chi phí bốc xếp giao nhận</i>	-	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		<b>525.749.731</b>
Chi phí sửa chữa	507.287.231	166.130.891
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	667.626.537	16.600.000
Chi phí nhiên liệu	550.130.090	40.529.455
Chi phí tiền điện	246.404.602	216.125.749
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	657.090.311	86.363.636
<b>Cộng</b>	<b><u>2.628.538.771</u></b>	<b><u>525.749.731</u></b>

## 15. Phải trả khác

### 15a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>300.000.000</b>	<b>4.000.000</b>
Thù lao HĐQT, BKS	300.000.000	4.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>133.299.029.751</b>	<b>7.613.294.162</b>
Kinh phí công đoàn	90.366.383	44.119.503
Bảo hiểm XH, YT, TN	4.128.714	4.128.705
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	715.150.000	770.150.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	129.738.068.575	4.916.658.775
Các khoản chi hộ phải trả	1.576.588.890	1.220.672.339
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.174.727.189	657.564.840
<b>Cộng</b>	<b><u>133.599.029.751</u></b>	<b><u>7.617.294.162</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 15b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công đoàn Cơ sở Cơ quan Lực lượng thanh niên xung phong <sup>(i)</sup>	-	
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Nguyễn Thành Lê <sup>(ii)</sup>	-	
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	

#### 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Nhận tiền khen thưởng từ TCT</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.978.046.430	1.923.642.306		(2.194.000.000)	1.797.168.779
Quỹ phúc lợi	641.678.642	480.910.577		(613.500.000)	419.609.176
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.859.882	-		-	4.859.882
<b>Cộng</b>	<b>2.624.584.954</b>	<b>2.404.552.883</b>		<b>(2.807.500.000)</b>	<b>2.221.637.837</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CANG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Năm trước</b>	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	127.873.778.194	16.633.499.196	648.253.997.311
Số dư đầu năm	-	-	-	(81.600.000.000)	(22.000.000)	(81.622.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(1.470.193.487)	-	(1.470.193.487)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	90.625.958.086	5.837.971	90.631.796.057
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(4.533.352.427)	-	(4.533.352.427)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	(885.509.674)	-	(885.509.674)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước của Công ty con	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>340.000.000.000</b>	<b>60.123.448.000</b>	<b>103.623.271.921</b>	<b>130.010.680.692</b>	<b>16.617.337.167</b>	<b>650.374.737.780</b>
<b>Năm nay</b>	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	130.010.680.692	16.617.337.167	650.374.737.780
Số dư đầu năm	-	-	-	(125.120.000.000)	-	(125.120.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(313.409.705)	-	(313.409.705)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	75.175.434.415	650.754.490	75.826.188.905
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(2.404.552.883)	-	(2.404.552.883)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>340.000.000.000</b>	<b>60.123.448.000</b>	<b>103.623.271.921</b>	<b>77.348.152.519</b>	<b>17.268.091.657</b>	<b>598.362.964.097</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.123.448.000	60.123.448.000
Cộng	<u>400.123.448.000</u>	<u>400.123.448.000</u>

### 17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	112.500.000.000	112.500.000.000
Doanh thu dịch vụ vận tải	86.016.575.938	38.656.519.528
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	18.789.855.403	20.313.357.192
Doanh thu bán hàng hóa	90.804.545	38.360.892
Doanh thu dịch vụ khác	9.278.343.903	14.323.704.960
<b>Cộng</b>	<b><u>226.675.579.789</u></b>	<b><u>185.831.942.572</u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn	126.075.987.747	90.048.008.183
<b>Cộng</b>	<b><u>126.075.987.747</u></b>	<b><u>90.048.008.183</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.203.637.984	5.054.498.736
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
<b>Cộng</b>	<b><u>8.203.637.984</u></b>	<b><u>5.054.498.736</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Dự phòng đầu tư tài chính	1.554.196.138	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.554.196.138</u></b>	

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	904.876.864	3.139.442.328
Các chi phí khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>904.876.864</u></b>	<b><u>3.139.442.328</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.555.614.722	9.069.431.612
Chi phí vật liệu quản lý	171.358.495	164.527.649
Chi phí đồ dùng văn phòng	123.266.286	465.294.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.401.877.189	404.517.460
Thuế, phí và lệ phí	22.590.565	29.995.305
Dự phòng phải thu khó đòi	23.403.348	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.291.067.552	2.297.781.079
Các chi phí khác	4.299.841.463	4.437.773.943

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

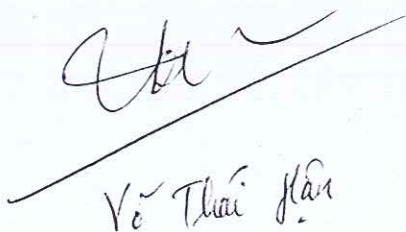
	Kỳ này	Kỳ trước
Cộng	<u>17.889.019.620</u>	<u>16.869.321.423</u>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản	200.000.000	17.800.000
Tiền bồi thường	5.103.116	
Thu nhập khác	294.066.047	200
Cộng	<u>499.169.163</u>	<u>17.800.200</u>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
Phạt do vi phạm hợp đồng		
Chi phí khác	246.442.349	164.964.218
Cộng	<u>246.442.349</u>	<u>164.964.218</u>
<b>9. Lãi trên cổ phiếu</b>		
<b>9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	75.175.434.415	69.651.304.891
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ (*)		
Quỹ khen thưởng ban điều hành Công ty mẹ		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty con		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	75.175.434.415	69.651.304.891
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	34.000.000	34.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.211</u>	<u>2.049</u>

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

  
Võ Thái Hòa

  
Nguyễn Viết Trường



  
Lê Chí Đăng